

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày : 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính : Đồng VN.

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	KỶ NÀY	KỶ TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	253,440,636,998	235,302,993,676
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	44,622,484	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		253,396,014,514	235,302,993,676
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	227,834,538,133	210,134,714,371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25,561,476,381	25,168,279,305
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	54,629,807	99,581,355
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	440,065,792	648,267,597
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		424,661,901	647,374,722
8. Chi phí bán hàng	25	VI.08	15,508,466,153	17,634,302,246
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4,528,744,339	1,365,413,419
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		5,138,829,904	5,619,877,398
11. Thu nhập khác	31	VI.06	181,024,318	544,223,269
12. Chi phí khác	32	VI.07	59,218,805	302,247,936
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		121,805,513	241,975,333
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5,260,635,417	5,861,852,731
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1,052,127,083	1,128,133,878
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		4,208,508,334	4,733,718,853
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Lê Thị Kim Dung

Kế Toán Trưởng

(Ký, họ tên)

Ngô Thu Dung

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hà Quốc Cường